TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 277/2024/QĐST-DS	Châu Thành, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 02 Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 129/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bé Tư là bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: 1/ Bà Đặng Thị T, sinh năm 1971.

2/ Ông Phan Văn L, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự về số vàng phải trả, thời gian trả và án phí cụ thể như sau:

Về số vàng phải trả: Bà Đặng Thị T với ông Phan Văn L tự nguyện trả cho bà Nguyễn Thị B 05 (năm) chỉ vàng 24kra. Bà B là người đại diện theo ủy quyền của bà B thống nhất sự tự nguyện của bà T và ông L.

Thời gian trả tiền: Các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận thời gian bà T, ông L trả tiền cho bà B do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đặng Thị T và ông Phan Văn L tự nguyện nộp số tiền án phí là 1.000.000đồng *(Một triệu đồng)*

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1951 là người cao tuổi thuộc diện được miễn tiền án phí và bà B có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí phù hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên tòa án chấp nhận cho bà B không phải nộp tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 09 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Liên